TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-PT
Ngày 25/5/2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh tiền vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Phương
Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Kim Thương
Ông Đinh Viết Nam
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Minh Thành - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:* Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2022/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh tiền vay" do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng P.

Địa chỉ trụ sở: Số 25A, Phố C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tài T – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị (theo Giấy ủy quyền số 3334/GUQ.NHPT-PC ngày 27/10/2016). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Minh Th– Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th

Địa chỉ trụ sở: Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ tạm trú: Căn 14, tầng 11 chung cư Pegasus, đường Võ Thị S, phường Q, thành phố B, tỉnh Đông Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Hồng S; địa chỉ: 50 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền ngày 01/01/2022). Có mặt.

- Ông Trần Văn H; địa chỉ: số 56A Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Văn bản ủy quyền ngày 01/01/2022). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thiềm Công K.

Địa chỉ trụ sở: Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ tạm trú: Căn 14, tầng 11 chung cư Pegasus, đường Võ Thị S, phường Q, thành phố B, tỉnh Đông Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Hồng S; địa chỉ: 50 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Ông Trần Văn H; địa chỉ: số 56A Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Minh Th– Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C và các tài liệu có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của các bên đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Theo các đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2017, 24/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng P trình bày:

Ngày 20/01/2010, Bà Trần Thị Minh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th (sau đây viết tắt là DN Th) và Ngân hàng P – chi nhánh Quảng Trị (hiện nay là chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị, sau đây viết tắt là Ngân hàng P) ký kết Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 01/2010/NHPT.QTR-BLDA, Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc số 01/2010/NHPT.QTR-HĐNT-NNBL, theo đó Ngân hàng Pbão lãnh cho DN Th vay vốn tại Ngân hàng N– chi nhánh C, Quảng Trị (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) với số tiền bão lãnh là 3.300.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu C.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ bão lãnh gồm:

- Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu C mà Ngân hàng P bão lãnh cho DN Th vay vốn theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/BĐBL-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 được ký kết giữa DN Th và Ngân hàng P.

- Quyền sử dụng đất diện tích 1230m^2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 475047 ngày 27/11/2003 cho ông Thiềm Công K và Bà Trần Thị Minh Th theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐTCQSDĐ-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 được ký kết giữa ông Thiềm Công K, Bà Trần Thị Minh Th với Ngân hàng P.

Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Bản án phúc thẩm số: 05/2014/KDTM-PT ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị ; ngày 21/01/2015, Ngân hàng P đã chuyển số tiền 2.590.595.319 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trong đó số tiền gốc phải trả là

2.386.807.597 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 11/12/2013 đến ngày 14/01/2015 là 203.787.722 đồng.

Ngày 10/12/2015, Ngân hàng P và DN Th ký kết hợp đồng nhận nợ bắt buộc số 01/2015/NHPT.TTH-QT-NNBB và khế ước nhận nợ bắt buộc số 409.65080.000.1496/KUBB, với tổng số tiền nhận nợ là 2.736.025.687đồng, trong đó nợ gốc là 2.410.595.319đồng, lãi phải trả từ ngày 21/01/2015 đến 10/12/2015 là 325.430.368đồng (lãi suất nhận nợ 15%/năm). DN Thđã trả cho Ngân hàng Pnợ gốc 360.000.000đồng (ngày 12/8/2015 là 180.000.000 đồng và ngày 14/4/2016 là 180.000.000 đồng), tiền lãi 528.529đồng (ngày 19/4/2019).

DN Th liên tục vi phạm các cam kết trong hợp đồng nhận nợ bắt buộc, Ngân hàng P nhiều lần yêu cầu DN Th xử lý tài sản để thu hồi nợ nhưng đến nay DN Th không phối hợp. Ngân hàng P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc DN Th thanh toán các khoản nợ tạm tính đến ngày 20/01/2018 là 3.282.908.841đồng, trong đó nợ gốc là 2.230.595.319đồng, tiền lãi 1.052.313.522đồng; xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc trả nợ theo hợp đồng nhận nợ bắt buộc đã ký kết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Trần Thị Minh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th thanh toán cho Ngân hàng P số tiền 4.386.524.984đồng, trong đó nợ gốc: 2.230.595.319đồng, nợ lãi tính đến ngày 22/4/2021 là 2.155.929.665đồng, tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 21/01/2015 đến ngày 13/4/2016: 2.410.595.319đồng x 449 ngày x 15%/360 = 450.982.205đồng.

- Từ ngày 14/4/2016 đến ngày 22/4/2021: 2.230.595.319đồng x 1.835 ngày x 15%/360 = 1.705.475.989đồng.

- Ngày 19/4/2019, DN Th trả 528.529đồng tiền lãi.

Trường hợp DN Th không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/BĐBL-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐTCQSDĐ-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng P để thu hồi nợ.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có ý kiến.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 335, Điều 340, Điều 317, 307, 500 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P, buộc Bà Trần Thị Minh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th trả cho Ngân hàng P số tiền 4.386.524.984đồng (trong đó nợ gốc là 2.230.595.319đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/4/2021 là 2.155.929.665đồng).

Trong trường hợp Bà Trần Thị Minh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì bên được quyền thi hành án Ngân hàng P có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/BĐBL-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐTCQSDĐ-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng P để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Đơn kháng cáo ngày 10/11/2021 và quá trình xét xử bị đơn trình bày: kháng toàn bộ nội dung bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với những nội dung sau:

- Về việc tống đạt văn bản tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cấp tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng chưa hợp lệ theo quy định tại Điều 175, Điều 179 BLTTDS, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà Thành, ông K khi họ chưa được triệu tập hợp lệ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm cho đương sự không thực hiện được các quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa theo quy định tại Điều 70, 72 và 73 BLTTDS.

- Về xác định tư cách tố tụng: Tòa cấp sơ thẩm xác định bà Trần Thi Minh Th - chủ Doanh nghiệp tham gia vụ án chỉ với tư cách bị đơn mà không xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong khi bà Trần Thi Minh Th vừa là chủ DNTN ký trong hợp đồng vay nhận nợ, vừa là người có quyền sử dụng đất ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng P. nhưng Tòa sơ thẩm không đưa bà Trần Thị Minh Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng nghiêm trọng.

- Về đề nghị cho bên thứ 3 thuế tài sản thế chấp để trả bớt nợ: Bà Trần Thị Minh Th có văn bản đề nghị Ngân hàng P cho phép bên thứ 3 thuê tài sản để chấp nhưng phía Ngân hàng không đồng ý đã làm mất nguồn thu đáng kể để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng P phải chịu một phần trách nhiệm.

- Về thực hiện nghĩa vụ bảo đảm: Theo Điều 3 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐTCQSDĐ-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 thì bên B (ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh Th) đồng ý thế chấp các tài sản nêu tại Điều 2 để bảo đảm một phần nghĩa vụ của DN Th, phải hoàn trả số tiền bên A (Ngân hàng P) trả nợ thay cho DN Th được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng bảo lãnh và nghĩa vụ trả tiền phí bảo lãnh của DN Th được quy định tại Điều 3 của hợp đồng bảo lãnh. Các bên thỏa thuận thế chấp quyền sử

dụng đất chỉ đảm bảo một phần nghĩa vụ của Doanh nghiệp Th, nhưng Tòa cấp sơ thẩm lại xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm là không đúng theo thỏa thuận của hợp đồng;

Về xin miễn án phí: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, miễn án phí cho Bà Trần Thị Minh Th do bà thuộc diện người cao tuổi, người có công với cách mạng là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, thư ký cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

- Do việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng chưa hợp lệ theo quy định tại Điều 175, Điều 179 BLTTDS nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà Thành, ông Khai khi họ chưa được triệu tập hợp lệ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm cho đương sự không thực hiện được các quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa theo quy định tại Điều 70, 72 và 73 BLTTDS.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Minh Th, hủy bản án sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng các quy định của BLTTDS.

Về án phí: Bà Phạm Thị Minh Th - chủ DNTN xăng dầu Th không phải chịu án phí KDTMPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng P ký hợp đồng bảo lãnh vay vốn với Bà Trần Thị Minh Th - Chủ doanh nghiệp xăng dầu Th, nay Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Bà Trần Thị Minh Th - Chủ doanh nghiệp xăng dầu Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đồng thời xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị xác định đây vụ án kinh doanh doanh thương mại với quan hệ "tranh chấp hợp đồng bảo lãnh tiền vay" và áp dụng khoản 1 Điều 30 BLTTDS giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị Minh Th - Chủ doanh nghiệp xăng dầu Th được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị chấp nhận xét kháng

cáo quá hạn. Do đó, đơn kháng cáo phù hợp với các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn Bà Trần Thị Minh Th - Chủ doanh nghiệp xăng dầu Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thiềm Công K vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Lê Hồng S, ông Trần Văn H, nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án .

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Việc tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi thường trú của bị đơn,người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại địa chỉ: Tiểu Khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị (BL số 169 -174). Đồng thời gửi bảo đảm, có báo phát qua đường bưu điện đến địa chỉ tạm trú của bị đơn tại: Căn 14, tầng 11, chung cư Pegasus, đường Võ Thị S, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (BL số163 – 292). Bà Trần Thị Minh Th đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nên ngày 12/4/2018 có tờ trình xin gia hạn thời gian thụ lý vụ án 30 ngày với lý do sức khỏe (BL số180). Như vậy việc tống đạt các văn bản của Tòa án cho đương sự là đúng quy định hợp lệ theo quy định tại Điều 175, Điều 179 BLTTDS, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ. HĐXX thấy rằng không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

[2.2] Về kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định Bà Trần Thị Minh Th tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. HĐXX thấy rằng:

Khoản 1 Điều 188 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: *"Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp"*. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bà Trần Thị Minh Th – Chủ Doanh nghiện xăng dầu Th phải trả khoản nợ và thực hiện nghĩa vụ đảm bảo. Nên Tòa cấp sơ thẩm xác định Bà Trần Thị Minh Th - chủ Doanh nghiệp tham gia vụ án chỉ với tư cách bị đơn là đúng với quy định, đúng với trách nhiệm, nghĩa vụ của Bà Trần Thị Minh Th là cá nhân làm chủ doanh nghiệp tư nhân tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

[2.3] Việc bị đơn có văn bản đề nghị nguyên đơn cho phép bên thứ 3 thuê tài sản để chấp nhưng nguyên đơn không đồng ý. HĐXX thấy:

Tại điểm c, khoản 2 Điều 9 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐTCQSDĐ-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 quy định ông Thiềm Công K, Bà Trần Thị Minh Th không được bán, trao đổi, tặng, cho, cho thuê… đối với tài sản thế chấp. Ngân hàng P không đồng ý cho bên thứ ba thuê là đã thực hiện đúng cam kết của các bên trong hợp đồng. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở.

[2.4] Về việc Tòa cấp sơ thẩm xử lý toàn bộ tài sản thế chấp, trong khi nội dung trong hợp đồng thế chấp chỉ đảm bảo cho một phần nghĩa vụ trả nợ, HĐXX thấy:

Theo Điều 3 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐTCQSDĐ-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 thì bên B (ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh Th) đồng ý thế chấp các tài sản nêu tại Điều 2 để bảo đảm một phần nghĩa vụ của DN Th phải hoàn trả số tiền bên A (Ngân hàng P) trả nợ thay cho DN Th được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng bảo lãnh và nghĩa vụ trả tiền phí bảo lãnh của DN Thđược quy định tại Điều 3 của hợp đồng bảo lãnh. Các bên thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất chỉ đảm bảo một phần nghĩa vụ của Doanh nghiệp Thchứ không thỏa thuận giới hạn xử lý một phần tài sản thế chấp quyền sữ dụng đất.

Vì vậy, Cấp sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng thế chấp nêu trên, áp dụng Điều 317, 307, 500 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trong trường hợp Bà Trần Thị Minh Th - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Thkhông thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐTCQSDĐ-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 để thu hồi nợ là đúng quy định.

[3] Đối với yêu cầu xin miễn tiền án phí của bị đơn, HĐXX thấy rằng:

Theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020: Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

Theo khoản 1 Điều 188 Luật Doanh nghiệp năm 2020: *"Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp"*.

Khoản 3 Điều 190 Luật doanh nghiệp 2020 quy định chủ doanh nghiệp tư nhân là người đại diện theo pháp luật, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu trong giải quyết việc dân sự.

Mặt khác, theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân thì khoản thu của doanh nghiệp chỉ chịu thuế doanh nghiệp, chứ chủ doanh nghiệp tư nhân không phải đóng thuế thu nhập cá nhân.

Như vậy, cá nhân Bà Trần Thị Minh Th là chủ Doanh nghiệp tư nhân luôn găn liền với Doanh nghiệp tư nhân, hoạt động kinh doanh dưới hình thức tổ chức kinh tế.

Do đó, Bà Trần Thị Minh Th - chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Thkhông thuộc đối tượng được miễn án "người cao tuổi"; "người có công" quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Bà Trần Thị Minh Th - chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, bác kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận quan điểm của viện kiểm sát là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 335, Điều 340, Điều 317, 307, 500 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4, Điều 188, Điều 190 Luật Doanh nghiệp 2020; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị Minh Th – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P, buộc Bà Trần Thị Minh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th trả cho Ngân hàng P số tiền 4.386.524.984đồng (trong đó nợ gốc là 2.230.595.319đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/4/2021 là 2.155.929.665đồng).

Trong trường hợp Bà Trần Thị Minh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Thkhông thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì bên được quyền thi hành án Ngân hàng P có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/BĐBL-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐTCQSDĐ-NHPT.QTR ngày 20/01/2010 và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng P để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 15%/năm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Bà Trần Thị Minh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th phải chịu 112.387.000 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn

đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngân hàng PViệt Nam không phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên được hoàn trả 48.829.000đồng theo biên lai số AA/2014/0001533 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị và Bà Trần Thị Minh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th phải hoàn trả số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng P.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Cam Lộ;
- VKSND huyện Cam Lộ
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Phương